

HOC VẦN

ÔI – ƠI

I/ Mục tiêu:

- ❖ Học sinh đọc và viết được ôi, ơ, trái ổi, bơi lội.
- ❖ Nhận ra các tiếng có vần ôi – ơ. Đọc được từ, câu ứng dụng.
- ❖ Phát triển lời nói tự nhiên theo chủ đề: Lễ hội.

II/ Chuẩn bị:

- ❖ Giáo viên: Tranh.
- ❖ Học sinh: Bộ ghép chữ.

III/ Hoạt động dạy và học:

	*Hoạt động của giáo viên:	*Hoạt động của học sinh:
<p>Tiết 1: *Hoạt động 1:</p>	<p><i>Dạy vần</i> Cho học sinh gắn bảng gắn H: Đây là vần gì? -Phát âm: ôi. -Hướng dẫn HS phân tích vần ôi. -Hướng dẫn HS đánh vần vần ôi. -Đọc: ôi. -Hướng dẫn học sinh gắn: ổi. -Hướng dẫn học sinh phân tích tiếng ổi. -Hướng dẫn học sinh đánh vần tiếng ổi. -Đọc: ổi. -Treo tranh giới thiệu: Trái ổi. -Đọc mẫu, hướng dẫn HS đọc. -Đọc phần 1. *Viết bảng: ơ. -H: Đây là vần gì? -Phát âm: ơ. -Hướng dẫn HS gắn vần ơ. -Hướng dẫn HS phân tích vần ơ. -So sánh: +Giống: i cuối. +Khác: ô - ơ đầu -Hướng dẫn học sinh đánh vần vần ơ. -Đọc: ơ. -Hướng dẫn học sinh gắn tiếng bơi. -Hướng dẫn học sinh phân tích tiếng bơi. -Hướng dẫn học sinh đánh vần tiếng bơi. -Đọc: bơi. -Treo tranh giới thiệu: bơi lội. -GV đọc mẫu, hướng dẫn HS đọc từ bơi lội. -Đọc phần 2. -Đọc bài khóa.</p>	<p>Học sinh gắn âm ô và âm i Vần ôi Cá nhân, lớp. Vần ôi có âm ô đứng trước, âm i đứng sau: Cá nhân Ô – i – ôi: cá nhân, nhóm, lớp. Cá nhân, nhóm, lớp. Thực hiện trên bảng gắn. Tiếng ổi có âm ô đứng trước âm i đứng sau, dấu hỏi đánh trên âm ô. Ô – i – ôi – hỏi – ổi: cá nhân. Cá nhân, lớp. Cá nhân, nhóm, lớp. Cá nhân, nhóm. Vần ơ. Cá nhân, lớp. Thực hiện trên bảng gắn. Vần ơ có âm ơ đứng trước, âm i đứng sau: cá nhân. So sánh. Ô – i – ơ: cá nhân, lớp. Cá nhân, nhóm, lớp. Thực hiện trên bảng gắn. Tiếng bơi có âm b đứng trước, vần ơ đứng sau: cá nhân. Bờ – ơ – bơi: cá nhân, lớp.</p>
<p>*Nghỉ giữa tiết: *Hoạt động 2:</p>	<p><i>Viết bảng con:</i> ôi, ơ, trái ổi, bơi lội.</p>	<p>Cá nhân, nhóm, lớp.</p>

<p>*Hoạt động 3:</p> <p>*Nghỉ chuyển tiết. Tiết 2: *Hoạt động 1:</p> <p>*Hoạt động 2:</p> <p>*Nghỉ giữa tiết: *Hoạt động 3:</p> <p>*Hoạt động 4:</p>	<p>-Hướng dẫn cách viết. -Nhận xét, sửa sai.</p> <p>Đọc từ ứng dụng: cái chổi ngồi mới thổi còi đồ chơi</p> <p>Giảng từ -Hướng dẫn nhận biết tiếng có ôi – ơ. -Hướng dẫn đánh vần tiếng, đọc trơn từ. -Đọc toàn bài.</p> <p>Luyện đọc. -Đọc bài tiết 1. -Treo tranh giới thiệu câu -Đọc câu ứng dụng: Bé trai , bé gái đi chơi phố với bố mẹ. -Giáo viên đọc mẫu. -Đọc toàn bài.</p> <p>Luyện viết. -Lưu ý nét nối giữa các chữ và các dấu. -Thu chấm, nhận xét.</p> <p>Luyện nói: -Chủ đề: Lễ hội. -Treo tranh: -H: Tranh vẽ gì? -H: Tại sao em biết tranh vẽ về lễ hội? -H: Quê em có những lễ hội gì? Vào mùa nào? -H: Trong lễ hội thường có những gì?</p> <p>-H: Ai đưa em đi dự lễ hội? -H: Qua tivi hoặc nghe kể em thích lễ hội nào nhất? -Nêu lại chủ đề: Lễ hội. -Chơi trò chơi tìm tiếng mới: bà nội, chơi bi ... -Dặn HS học thuộc bài.</p>	<p>Cá nhân, lớp. Cá nhân, lớp. học sinh viết bảng con. 2 – 3 em đọc chổi, mới, thổi, chơi. Cá nhân, lớp.</p> <p>Cá nhân, lớp.</p> <p>Cá nhân, lớp. 2 em đọc. Nhận biết tiếng có ơ. Cá nhân, lớp.</p> <p>Cá nhân, lớp. Viết vào vở tập viết.</p> <p>Cá nhân, lớp.</p> <p>Tranh vẽ về lễ hội. Học sinh trả lời tự nhiên: có cờ hội, mọi người mặc đẹp... Tự trả lời.</p> <p>Cờ treo, người ăn mặc đẹp, hát ca, các trò vui... Tự trả lời. Tự trả lời.</p>
--	---	---



ĐẠO ĐỨC

GIA ĐÌNH EM (TIẾP THEO)

I/ Mục tiêu:

- ❖ Học sinh biết lễ phép, vâng lời ông bà, cha mẹ và anh chị.
- ❖ Yêu quý gia đình mình
- ❖ Quý trọng những bạn biết lễ phép, vâng lời ông bà, cha mẹ.

II/ Chuẩn bị:

- ❖ Giáo viên: Tranh, đồ dùng cho học sinh chơi sắm vai.
- ❖ Học sinh: Sách bài tập đạo đức.

III/ Hoạt động dạy và học chủ yếu :

❖ Giáo dục học sinh ham học toán.

II/ Chuẩn bị:

❖ Giáo viên: Sách. mẫu vật.

❖ Học sinh: Bộ đồ dùng học toán.

III/ Hoạt động dạy và học chủ yếu:

-Đọc thuộc bảng cộng trong phạm vi 4.

$3 + 1 = \quad 2 + 2 = \quad 1 + 3 = \quad 2 + \dots = 4 \quad \dots + 1 = 4 \quad 4 = 3 + \dots$

	*Hoạt động của giáo viên:	*Hoạt động của học sinh:
*Hoạt động 1:	<p>On bảng cộng</p> <p style="text-align: right;"><u>Bài 1:</u></p> <p>Gọi học sinh nêu yêu cầu bài 1. -Lưu ý: Viết số thẳng cột với nhau.</p> <p>Giáo viên nhận xét, sửa sai</p>	<p>Yêu cầu tính theo hàng dọc. Học sinh làm bài.</p> $\begin{array}{r} 3 \quad 2 \quad 2 \\ +1 \quad +1 \quad +2 \\ \hline 4 \quad 3 \quad 4 \end{array}$ $\begin{array}{r} 1 \quad 1 \\ +2 \quad +3 \\ \hline 3 \quad 4 \end{array}$
Hoạt động 2:	<p>Yêu cầu học sinh đọc thuộc bảng cộng 4</p> <p>Vận dụng thực hành</p> <p style="text-align: right;"><u>Bài 2:</u></p> <p>Gọi học sinh nêu yêu cầu bài VD: Lấy 1 cộng 1 bằng 2. Viết 2 vào ô trống:</p> $\begin{array}{r} +1 \\ 1 \longrightarrow \square \end{array}$ <p style="text-align: right;"><u>Bài 3:</u></p> <p>Giáo viên treo tranh -H: Ta phải làm bài này như thế nào?</p> <p style="text-align: right;"><u>Bài 4:</u></p> <p>Giáo viên treo tranh -Gọi học sinh nêu bài toán. -H: Ta nên viết phép tính như thế nào? -Gọi 1 học sinh lên bảng làm.</p>	<p>Học sinh lần lượt lên làm bài . Học sinh đổi vở sửa bài . Học sinh đọc cá nhân, nhóm, dãy bàn, cả lớp</p> <p>Viết số thích hợp vào ô trống:</p> $1 \xrightarrow{+1} \square$ <p>Lấy 1 + 1 = 2, lấy 2 + 1 = 3. Viết 3 vào sau dấu =</p> <p>Học sinh quan sát tranh. Cộng từ trái sang phải .Học sinh lên bảng , cả lớp làm vào bài .</p> $2 + 1 + 1 = 4 \quad 1 + 2 + 1 = 4$ <p>Đổi vở chữa bài Viết phép tính thích hợp Học sinh quan sát tranh , nêu bài toán H :Có 1 bạn cầm bóng, 3 bạn nữa chạy đến. Hỏi có tất cả mấy bạn? Học sinh nêu 1 + 3 = 4. Học sinh tự viết vào các ô trống $1 + 3 = 4$ Đổi vở chữa bài .</p>
Hoạt động 3:	<p>-Thu bài, chấm. -Cho học sinh thi gắn phép tính đúng $\square + \square = 4$, $\square + \square = 3$ -Về tập làm 1 số bài tập, học thuộc phép cộng trong phạm vi 4.</p>	



HOC VẦN

UI – ƯI

I/ Mục tiêu:

- ❖ Học sinh đọc và viết được ui, ưi, đồi núi, gửi thư.
- ❖ Nhận ra các tiếng có vần ui - ưi. Đọc được từ, câu ứng dụng.
- ❖ Phát triển lời nói tự nhiên theo chủ đề: Đồi núi.

II/ Chuẩn bị:

- ❖ Giáo viên: Tranh.
- ❖ Học sinh: Bộ ghép chữ.

III/ Hoạt động dạy và học chủ yếu :

-Học sinh đọc bài: Trái ổi, xôi gà, xe tới nghỉ ngơi

Học sinh viết bài: Thối còi , ngôi mới , nói to -Đọc câu ứng dụng .

	*Hoạt động của giáo viên:	*Hoạt động của học sinh:
<p>Tiết 1: *Hoạt động 1:</p>	<p>Dạy vần *Viết bảng: ui. H: Đây là vần gì? -Phát âm: ui. -Hướng dẫn HS gắn vần ui. -Hướng dẫn HS phân tích vần ui. -Hướng dẫn HS đánh vần vần ui. -Đọc: ui. -Hướng dẫn học sinh gắn: núi. -Hướng dẫn học sinh phân tích tiếng núi. - Hướng dẫn học sinh đánh vần tiếng núi. -Đọc: núi. -Treo tranh giới thiệu: Đồi núi. -Đọc mẫu, hướng dẫn HS đọc. -Đọc phần 1. *Viết bảng: ưi. -H: Đây là vần gì? -Phát âm: ưi. -Hướng dẫn HS gắn vần ưi. -Hướng dẫn HS phân tích vần ưi. -So sánh: +Giống: i cuối. +Khác: u – ư đầu -Hướng dẫn đánh vần vần ưi. -Đọc: ưi. -Hướng dẫn gắn tiếng gửi. -Hướng dẫn phân tích tiếng gửi. -Hướng dẫn đánh vần tiếng gửi. -Đọc: gửi. -Treo tranh giới thiệu: gửi thư. -GV đọc mẫu, hướng dẫn đọc từ gửi thư.</p>	<p>Vần ui Cá nhân, lớp. Thực hiện trên bảng gắn. Vần ui có âm u đứng trước, âm i đứng sau: Cá nhân u – i – ui: cá nhân, nhóm, lớp. Cá nhân, nhóm, lớp. Thực hiện trên bảng gắn. Tiếng núi có âm n đứng trước vần ui đứng sau, dấu sắc đánh trên âm u. Nờ – ui – núi – sắc – núi: cá nhân. Cá nhân, lớp. Cá nhân, nhóm, lớp. Cá nhân, nhóm. Vần ưi. Cá nhân, lớp. Thực hiện trên bảng gắn. Vần ưi có âm ư đứng trước, âm i đứng sau: cá nhân. So sánh. ư – i – ưi: cá nhân, lớp. Cá nhân, nhóm, lớp. Thực hiện trên bảng gắn. Tiếng gửi có âm g đứng trước, vần ưi đứng sau, dấu hỏi đánh trên âm ư: cá nhân. Gờ – ưi – gửi – hỏi – gửi: cá nhân, lớp. Cá nhân, nhóm, lớp. Cá nhân, lớp.</p>

<p>*Nghỉ giữa tiết: *Hoạt động 2:</p> <p>*Hoạt động 3:</p> <p>*Nghỉ chuyển tiết. Tiết 2: *Hoạt động 1:</p> <p>*Hoạt động 2:</p> <p>*Nghỉ giữa tiết: *Hoạt động 3:</p> <p>*Hoạt động 4:</p>	<p>-Đọc phần 2. -Đọc bài khóa.</p> <p>Viết bảng con: ui - ưi – đôi núi – gửi thư.</p> <p>-Hướng dẫn cách viết. -Nhận xét, sửa sai.</p> <p>Đọc từ ứng dụng. cái túi gửi quà vui vẻ gửi mùi</p> <p>Giảng từ -Hướng dẫn HS nhận biết tiếng có ui – ưi.. -Hướng dẫn HS đánh vần tiếng, đọc trơn từ. -Đọc toàn bài.</p> <p>Luyện đọc. -Đọc bài tiết 1. -Treo tranh giới thiệu câu -Đọc câu ứng dụng: Di Na vừa gửi thư về. Cả nhà vui quá. -Giáo viên đọc mẫu. -Đọc toàn bài.</p> <p>Luyện viết. -Lưu ý nét nối giữa các chữ và các dấu. -Thu chấm, nhận xét.</p> <p>Luyện nói: -Chủ đề: Đôi núi . -Treo tranh: -H: Tranh vẽ gì? -H: Đôi núi thường có ở đâu? -H: Trên đôi núi thường có gì? -H: Nơi ta đang ở có đôi núi không? -H: Đôi khác núi như thế nào? -H: Đôi ở địa phương ta thường trồng cây gì? -Nêu lại chủ đề: Đôi núi. -Chơi trò chơi tìm tiếng mới: bụi tre, cái mũi, gửi quà ... -Dẫn HS học thuộc bài.</p>	<p>Cá nhân, lớp. HS viết bảng con.</p> <p>2 – 3 em đọc túi, vui, gửi, gửi mùi.</p> <p>Cá nhân, lớp.</p> <p>Cá nhân, lớp.</p> <p>Cá nhân, lớp.</p> <p>2 em đọc. Nhận biết tiếng có ui – ưi (gửi, vui) Cá nhân, lớp. Cá nhân, lớp. Viết vào vở tập viết. ui – ưi – đôi núi – gửi thư.</p> <p>Cá nhân, lớp.</p> <p>Tranh vẽ đôi núi. Ở Di Linh có đôi núi. Có nhiều cây gỗ rừng. Có đôi núi. Đồi thấp, núi cao... Trồng bắp, cà phê, chè...</p>
--	---	--



THỦ CÔNG

XÉ, DÁN HÌNH CON GÀ CON (T2)

I/ Mục tiêu:

- ❖ Học sinh dán được hình con gà.
- ❖ Hình dáng cân đối, trang trí đẹp.
- ❖ Giáo dục học sinh yêu thích môn học.

II/ Chuẩn bị:

- ❖ Giáo viên: Hình mẫu con gà con, các bước xé.